

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - BẮC NINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/9/2025
V/v thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiềm
2. Ông Trần Anh Dũng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Minh Trang - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2025 (vụ án thụ lý số 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cũ) về việc "yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 31A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1991, nơi cư trú: thôn T, xã L, tỉnh Bắc Ninh. CCCD: 024191010459. (có mặt)
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*
Luật sư Lê Văn T1 và Luật sư Phạm Thị G - Văn phòng L, địa chỉ: Số D, đường H, phường B, tỉnh Bắc Ninh. (đều có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Lương Trung T2, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn B, xã Y, tỉnh Bắc Ninh. CCCD: 034088014959 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn là chị Phạm Thị Huyền T trình bày:* Chị và anh Lương Trung T2 kết hôn năm 2014. Quá trình chung sống, hai người có một con chung là cháu Lương Đức T3, sinh ngày 05/01/2015. Năm 2020, hai bên ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 102/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, theo đó cháu T3 được giao cho anh T2

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay cháu đang sống cùng bà nội là bà Bùi Phương N, sinh năm 1965, trú tại thôn B, xã Y, tỉnh Bắc Ninh.

Chị cho rằng việc nuôi dưỡng, chăm sóc con của anh T2 không đảm bảo quyền lợi và môi trường tốt nhất cho cháu T3, cụ thể: anh T2 thường xuyên đi vắng khỏi địa phương trong thời gian dài, không rõ đi đâu, làm gì, không trực tiếp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ con như đã cam kết. Trong suốt thời gian qua, anh T2 hoàn toàn phó mặc việc nuôi dưỡng cháu T3 cho bà nội là bà Bùi Phương N. Trong khi đó, bà nội tuổi đã cao, tính tình nghiêm khắc, thường xuyên mắng chửi cháu, thậm chí có dấu hiệu bạo hành tinh thần và thể chất khiến cháu bị tổn thương nghiêm trọng. Bằng chứng là cháu T3 thường xuyên nhắn tin cầu cứu, mong được mẹ đón về nuôi.

Theo chị, nếu để cháu tiếp tục sống trong hoàn cảnh trên thì sẽ bị ảnh hưởng tâm lý, đặc biệt trong giai đoạn tuổi dậy thì cần sự quan tâm giáo dục của cha mẹ. Bản thân chị có đủ điều kiện kinh tế, tinh thần và thời gian để trực tiếp chăm sóc con. Cụ thể: hiện chị làm việc tại cơ sở D, địa chỉ số B ngõ H L - P - Hà Nội với mức thu nhập bình quân từ 20.000.000 đồng/tháng trở lên; chị có nơi ở ổn định tại số I ngõ C N - Y - Cầu G - Hà Nội, có bà ngoại hỗ trợ chăm sóc cháu. Nếu được giao nuôi dưỡng, chị đảm bảo sẽ tạo điều kiện học tập, môi trường phát triển tốt hơn cho cháu. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, giao cháu T3 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

** Bị đơn là anh Lương Trung T2 trình bày:* Anh và chị Phạm Thị Huyền T kết hôn năm 2014, đến khoảng năm 2019 thì ly hôn. Khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, Tòa án đã giao con chung là cháu T3 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến nay. Trước yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị T, anh không đồng ý. Lý do anh không đồng ý là vì chị T có quan hệ trai gái, không đảm bảo môi trường sống lành mạnh cho con. Trong khi đó, con chung đang ở với anh vẫn phát triển bình thường, ngoan ngoãn, học tập tốt. Những năm qua, chị T chưa làm tròn nghĩa vụ của người mẹ, không phụ cấp tiền nuôi dưỡng cũng như không thăm nom con. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị T.

** Tại phiên tòa:*

- Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T trình bày: Hiện tại cháu T3 đang ở với bố và bà nội nuôi dưỡng cũng tốt nhưng chị T có điều kiện nuôi dưỡng tốt hơn anh T2, cụ thể: Chị T có công việc và thu nhập ổn định khoảng 30.000.000 đồng/tháng, có nơi ở ổn định, công việc của chị T có thể chủ động thời gian để chăm sóc con. Chị T là người có bằng cấp về sư phạm, có hiểu biết chuyên môn sẽ giúp con học tập tốt

hơn. Trong khi đó anh T2 thường xuyên đi làm xa không có thời gian chăm sóc con, bà nội của cháu tuy thương yêu cháu nhưng có khoảng cách cả thể hệ nên không chăm sóc cháu tốt bằng chị T. Với những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T3 cho chị T nuôi dưỡng là tốt nhất.

- Anh T2 trình bày: Các điều kiện chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T nêu ra không có căn cứ rõ ràng. Hiện tại anh và mẹ anh vẫn quan tâm chăm sóc cháu tốt. Mặc dù trước đây anh đi làm xa thường xuyên vắng nhà nhưng anh vẫn thường xuyên gửi tiền về nuôi cháu và thăm hỏi cháu hàng ngày, từ khi có vụ kiện anh đã trở về làm việc gần nhà để chăm sóc con.

* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị T. Buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng:

Chị T nộp đơn khởi kiện anh T2 cư trú tại huyện Y (cũ) để yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế (cũ) thụ lý giải quyết vụ án “yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn” giữa chị T và anh T2. Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh kế thừa thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (cũ). Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (cũ) thụ lý giải quyết vụ án và Tòa án nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh xét xử vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[2] Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị T đối với anh T2:

Chị T và anh T2 kết hôn năm 2014 và đã có một con chung là Lương Đức T3, sinh ngày 05/01/2015. Trong thời gian chung sống giữa hai anh chị nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến ly hôn. Tại

Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 102/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế (cũ) anh chị đã thỏa thuận giao cháu T3 cho anh T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu T3 cho chị nuôi, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của chị T không có căn cứ chấp nhận. Bồi lẽ:

Sau khi anh chị ly hôn cháu T3 ở với anh T2. Hiện tại sức khỏe, học tập và mọi mặt của cháu vẫn bình thường. Xác minh tại địa phương và trường học của cháu cũng xác nhận mọi mặt sức khỏe, học tập, tâm lý và sinh hoạt của cháu vẫn bình thường. Anh T2 mặc dù trước đây đi làm xa thường xuyên vắng nhà nhưng anh vẫn thường xuyên gửi tiền về nuôi cháu và thăm hỏi cháu hàng ngày, ở nhà anh còn có mẹ của anh có sức khỏe giúp anh chăm sóc cháu. Cháu T3 hiện đã 10 tuổi có thể tự giác làm được nhiều việc mà không cần anh T2 chăm sóc thường xuyên hàng ngày. Hơn nữa từ khi có vụ kiện anh đã trở về làm việc gần nhà để chăm sóc con. Đối với chị T hiện nay thuê nhà ở Hà Nội, nếu được nuôi con chị sẽ đưa cháu ra Hà Nội sinh sống và học tập. Việc thay đổi môi trường sống và học tập hoàn toàn mới nhất là năm học mới đã bắt đầu sẽ làm xáo trộn đời sống của cháu. Trong khi đó cháu T3 không thể hiện nguyện vọng muốn ở với chị T. Cháu vẫn thấy cuộc sống hiện tại với bố và bà nội đang tốt, cháu được chăm sóc đầy đủ. Chị T cung cấp các bản in tin nhắn zalo và cho rằng đó là chứng cứ thể hiện cháu T3 nhắn tin cho cậu của cháu (em trai chị T) nói cháu bị bà nội đánh và đề nghị cậu đón đi nhưng không có căn cứ nào xác định đó là những lời của cháu T3. Từ những căn cứ nêu trên thấy hiện nay anh T2 vẫn có đủ điều kiện nuôi con và yêu cầu của chị T không thỏa mãn các điều kiện để thay đổi người trực tiếp nuôi con quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Để ổn định cuộc sống mọi mặt của cháu T3, Hội đồng xét xử không chấp nhận giao cháu T3 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 2 Điều 84

[3] Về án phí: chị T khởi kiện không được chấp nhận nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Huyền T về việc chị Phạm Thị Huyền T yêu cầu anh Lương Trung T2 giao cháu Lương Đức T3, sinh ngày 05/01/2015 cho chị Phạm Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002062 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh - Thi hành án dân sự khu vực 3) thu.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T2 có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Yên Thế;
- Công TTĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Đăng